

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Y  
TỈNH HUNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Án số: 26/2021/HNGĐ-ST

Ngày 05 tháng 02 năm 2021

(V/V Tranh chấp hôn nhân và gia đình)

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y - TỈNH H**

**- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Nhiên

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Vũ Minh Đón – Nguyên bí thư Đoàn xã H.

2. Ông Lê Xuân Thuật – Cán bộ hưu trí xã Y

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Vinh Quy – Thư ký TAND huyện Y

**- Đại diện VKSND huyện Y tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Huyền Trang – Kiểm sát viên

Trong ngày 05 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Y xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 232/2020/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2020 về việc “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2021/QĐXX-ST ngày 22 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Thị X**, sinh năm: 1969; (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh H .

**\* Bị đơn:** Anh **Hoàng Văn T**, sinh năm: 1965; (vắng mặt)

SQ: Tổ 3, phường P, thành phố T, tỉnh T

Địa chỉ cư trú: thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh H

**\* Người làm chứng:**

Bà **Nguyễn Thị Đ** , sinh năm 1937; địa chỉ: T, T, Y, H. (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Chị Nguyễn Thị X kết hôn với anh Hoàng Văn T trên cơ sở tự nguyện có tổ chức đăng ký kết hôn vào ngày 25/4/1991 tại UBND xã T . Sau khi kết hôn xong chị X và anh T chung sống được mấy tháng thì mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp và đã ly thân nhau ngay từ năm 1991 cho đến nay, trong thời gian ly thân không ai quan tâm gì đến ai, cuộc sống của ai chỉ biết người đó nên chị X xin ly hôn, anh T cũng nhất trí.

Về con chung: chị X và anh T chưa có con chung.

Về tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác: Chị X và anh T không có tài sản chung gì nên đều không yêu cầu giải quyết.

Bà Nguyễn Thị Đ trình bày: Việc kết hôn và mâu thuẫn, ly thân của chị X và anh T như chị X và anh T trình bày, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho chị X và anh T được ly hôn.

Tại phiên tòa: Chị X và anh T đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Quan điểm của Đại diện VKSND huyện Y xác định toàn bộ quá trình giải quyết, điều tra, xác minh vụ án của Thẩm phán cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa: Về phía các đương sự đã chấp hành và thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị X.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa:

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Về tố tụng: Chị X và anh T đã được triệu tập hợp lệ và đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên HĐXX xét xử vắng mặt chị X và anh T là phù hợp với quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị X khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Y giải quyết ly hôn anh T nên quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh T là bị đơn cư trú tại xã, huyện Y nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Y theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Chị Nguyễn Thị X và anh Hoàng Văn T kết hôn tự nguyện, có thời gian tìm hiểu trước khi cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào ngày 25/4/1991 tại số 19 nên hôn nhân của chị X và anh T là hợp pháp. Quá trình chung sống chị X và anh T không hạnh phúc nên đã ly thân nhau ngay trong năm 1991, nay cả chị X và anh T đều xác định không còn tình cảm, cuộc sống chung không có hạnh phúc và đã ly thân nhau mấy chục năm rồi nên chị X xin ly hôn, anh T nhất trí ly hôn. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị X và anh T đã trở lên trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó cần xử cho chị X được ly hôn anh T là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị X và anh T không có con chung.

[3] Về tài sản chung vợ chồng: Chị X và anh T đều không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí: Chị X phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

***Vì các lý trên.***

## QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án. xử:

Về quan hệ vợ chồng: Chị Nguyễn Thị X được ly hôn anh Hoàng Văn T.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị X phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn. Đối trừ với số tiền 300.000 đồng chị X đã nộp tiền tạm ứng án phí ly hôn theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003416 ngày 22/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Mỹ, chị X đã nộp đủ án phí.

Chị X và anh T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Y;
- THA huyện Y;
- TAND tỉnh H;
- UBND xã T
- Các đương sự;
- Lưu.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**( Đã ký)**

***Phan Thị Nhiên***